

Số: 117/NQ-HĐND

Mường Tùng, ngày 28 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025
phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng
trên địa bàn xã Mường Tùng năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG TÙNG
KHOÁ II, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐCP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách Nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Theo Hướng dẫn số 3696/HDLN-SNNPTNT-STC ngày 07 tháng 6 năm 2026 của Liên ngành Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Thực hiện Thông báo số 300/TB-QBVR ngày 12 tháng 05 năm 2026 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc thanh toán chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025 cho các chủ rừng là tổ chức cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, UBND cấp xã và chủ rừng là tổ chức khác trên địa bàn các xã: Mường Pồn, Na Sang, Mường Tùng;

Xét Tờ trình số 3523/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Mường Tùng về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ

môi trường rừng năm 2025 phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Tùng năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-BKTNS ngày 25 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Tùng năm 2026 (*có Kế hoạch kèm theo*), cụ thể như sau:

1. Tổng diện tích rừng do Ủy ban nhân dân xã quản lý: 837,4 ha. Diện tích đủ điều kiện chi trả: 691,94 ha.

2. Tổng kinh phí thực hiện:

a) Tổng thu: **797.391.312** đồng (*Bảy trăm chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi một nghìn ba trăm mười hai đồng*), gồm:

- Kinh phí còn lại của các năm trước chuyển sang: 396.916.761 đồng.

- Tiền dịch vụ môi trường rừng được chi trả năm 2025: 400.474.551 đồng.

b) Tổng chi: **797.391.312** đồng (*Bảy trăm chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi một nghìn ba trăm mười hai đồng*), gồm:

- Chi đối với giao khoán cho cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ năm 2025 (90%): 418.878.281 đồng.

- Chi cho công tác quản lý (10%): 378.513.031 đồng.

3. Nguồn kinh phí: từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên.

4. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

5. Nội dung thực hiện: Giao khoán bảo vệ rừng; tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; tuyên truyền, phổ biến pháp luật; rà soát, quản lý hồ sơ diện tích rừng; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và các nhiệm vụ trực tiếp phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí dịch vụ môi trường rừng đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Mường Tùng khóa II, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh (B/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp & Môi trường;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- BTTUBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại xã;
- Đại biểu HĐND xã
- Các cơ quan, tổ chức CT-XH, LLVT xã;
- Các bản trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cầm Thị Phương Liên

KẾ HOẠCH

Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Tùng năm 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Mường Tùng)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đúng đối tượng, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.
- Bảo vệ ổn định diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng do Nhà nước giao UBND xã quản lý; hạn chế thấp nhất tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm đất rừng và cháy rừng.
- Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn, kiểm lâm địa bàn, các bản, cộng đồng dân cư và các lực lượng liên quan trong quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.
- Gắn quyền lợi của cộng đồng dân cư với trách nhiệm, kết quả bảo vệ rừng; góp phần duy trì độ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn nước trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Việc phân bổ, sử dụng kinh phí phải căn cứ nguồn tiền thực tế được chi trả, số dư năm trước chuyển sang, diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng và kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng.
- Các nội dung chi phải có dự toán, hồ sơ, chứng từ hợp pháp; được kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán theo đúng quy định.
- Bảo đảm rõ nhiệm vụ, rõ đối tượng, rõ diện tích, rõ trách nhiệm; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai để Nhân dân, cộng đồng dân cư biết, tham gia giám sát.
- Không sử dụng kinh phí cho các nhiệm vụ không trực tiếp phục vụ quản lý, bảo vệ diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng; không chi trùng với nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn hợp pháp khác bảo đảm.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng do UBND xã Mường Tùng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý và các khu vực có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng này.

Tổng diện tích rừng do Ủy ban nhân dân xã quản lý, 837,4 ha. Diện tích đủ điều kiện chi trả: 691,94 ha.

2. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân xã; Phòng Kinh tế; kiểm lâm địa bàn; Công an xã; Ban Chỉ huy quân sự xã; các bản, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng; tổ, đội quản chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí: 797.391.312 đồng (*Bảy trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Diện tích (ha)	Đơn giá	Tỷ lệ phần trăm %	Số tiền	Ghi chú
A	TỔNG THU				797.391.312	
1	Dự toán thu năm trước chuyển sang				396.916.761	
	Kinh phí cho công tác quản lý (10%)				338.538.775	
	Đối với giao khoán cho cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ (90%)				58.377.986	
	<i>Ca Dính Nhè</i>				<i>13</i>	
	<i>Bản Mường Tùng</i>				<i>271.708</i>	
	<i>Bản Huổi Sáy</i>				<i>15.437.641</i>	
	<i>Huổi Toóng 1</i>				<i>29.098.744</i>	
	<i>Bản Huổi Lèng</i>				<i>11.482.941</i>	
	<i>Bản Nậm He</i>				<i>1.724.661</i>	
	<i>Bản Tin Tộc</i>				<i>362.278</i>	
2	Dự toán thu năm 2025				400.474.551	
B	TỔNG CHI				797.391.312	
1	Đối với giao khoán cho cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ (90%)				418.878.281	

1.1	Lưu vực sông Đà				391.714.382	
1.1.1	Năm 2025	511,20			336.014.019	
-	Đơn giá 726.724 đồng/ha	180,74			118.213.286	
	<i>Bản Ca Dính Nhè</i>	30,22	726.724	90%	19.765.439	
	<i>Bản Nậm Chua</i>	10,29	726.724	90%	6.730.191	
	<i>Bản Huổi Sáy</i>	20,25	726.724	90%	13.244.545	
	<i>Bản Nậm Cang</i>	25,44	726.724	90%	16.639.073	
	<i>Bản Nậm He</i>	22,47	726.724	90%	14.696.539	
	<i>Bản Huổi Chá</i>	65,56	726.724	90%	42.879.623	
	<i>Bản Mường Tùng</i>	3,26	726.724	90%	2.132.208	
	<i>Bản Nậm Piền</i>	3,25	726.724	90%	2.125.668	
-	Đơn giá 732.315 đồng/ha	330,46			217.800.733	
	<i>Bản Ca Dính Nhè</i>	53,33	732.315	90%	35.148.923	
	<i>Bản Huổi Toóng</i>	57,88	732.315	90%	38.147.753	
	<i>Bản Huổi Lèng</i>	69,64	732.315	90%	45.898.575	
	<i>Bản Trung Đình</i>	83,31	732.315	90%	54.908.246	
	<i>Bản Mường Tùng</i>	66,3	732.315	90%	43.697.236	
1.1.2	Nguồn năm trước chuyển sang				55.700.363	
	<i>Ca Dính Nhè</i>				13	
	<i>Bản Mường Tùng</i>				633.986	
	<i>Bản Huổi Sáy</i>				13.029.095	
	<i>Bản Huổi Toóng</i>				29.098.744	
	<i>Bản Huổi Lèng</i>				11.482.941	
	<i>Bản Nậm He</i>				1.455.584	
1.2	Lưu vực Nậm He				27.163.899	
-	Năm 2025	180,74			24.486.276	

	<i>Bản Ca Dính Nhè</i>	30,22	150.531	90%	4.094.142	
	<i>Bản Nậm Chua</i>	10,29	150.531	90%	1.394.068	
	<i>Bản Huổi Diết</i>	1,56	150.531	90%	211.346	
	<i>Bản Huổi Sáy</i>	18,69	150.531	90%	2.532.082	
	<i>Bản Nậm Cang</i>	25,44	150.531	90%	3.446.558	
	<i>Bản Nậm He</i>	22,47	150.531	90%	3.044.188	
	<i>Bản Huổi Chá</i>	65,56	150.531	90%	8.881.931	
	<i>Bản Mường Tùng</i>	3,26	150.531	90%	441.658	
	<i>Bản Nậm Piền</i>	3,25	150.531	90%	440.303	
-	Nguồn năm trước chuyển sang				2.677.623	
	<i>Bản Huổi Sáy</i>				2.408.546	
	<i>Bản Nậm He</i>				269.077	
2	Chi cho công tác quản lý 10% (Phòng kinh tế)				378.513.031	

(Trường hợp số kinh phí thực tế được xác nhận, chi trả có thay đổi so với Kế hoạch hoặc cần điều chỉnh giữa các nhiệm vụ nhưng không làm thay đổi mục tiêu, tổng nguồn kinh phí, giao Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp làm thay đổi mục tiêu, tổng nguồn kinh phí hoặc nội dung chủ yếu của Kế hoạch, Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định).

2. Nội dung sử dụng kinh phí

(1). Tổng kinh phí 90% tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được từ quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh dùng để chi trả cho các bên nhận khoán bảo vệ rừng (Là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư).

(2). Tổng kinh phí 10% tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh dùng để chi cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân xã, bao gồm:

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng, đề án, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng;

- Các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

- Mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng;

- Lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Chi trả lương và các khoản có tính chất lương (cho các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước và các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong trường hợp ngân sách nhà nước không đảm bảo chi trả lương và các khoản có tính chất lương);

- Các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã có hiệu lực;

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế: sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng quy định; phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát diện tích, lựa chọn cộng đồng nhận khoán, tổ chức giao khoán, kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán đảm bảo theo quy định.

- Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân xã, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về tình hình quản lý, sử dụng kinh phí và kết quả bảo vệ rừng.

2. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Kế hoạch; rà soát diện tích, đối tượng, nội dung và dự toán sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện lập hồ sơ, hợp đồng giao khoán; kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và công khai kinh phí theo quy định.

- Theo dõi, hạch toán đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi; tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu.

3. Kiểm lâm địa bàn

- Phối hợp rà soát diện tích, hiện trạng và ranh giới rừng; hướng dẫn nghiệp vụ tuần tra, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Tham gia kiểm tra, nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng; kịp thời tham mưu xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm.

4. Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự xã

- Phối hợp tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vụ việc vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện và tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu huy động.

5. Các bản và cộng đồng dân cư nhận khoán

- Tổ chức họp cộng đồng để thống nhất việc nhận khoán, lựa chọn người đại diện và phân công lực lượng trực tiếp bảo vệ rừng.

- Thực hiện đầy đủ hợp đồng giao khoán; duy trì tuần tra, ghi nhật ký và kịp thời báo cáo vụ việc phát sinh.

- Quản lý, sử dụng số tiền được chi trả đúng quy chế của cộng đồng; công khai số tiền nhận được, nội dung sử dụng và kết quả thực hiện để Nhân dân biết, giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Tham gia giám sát việc lựa chọn cộng đồng nhận khoán, công khai diện tích, mức tiền và việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng.

Kế hoạch này được tổ chức thực hiện kể từ ngày Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Mường Tùng phê duyệt Kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Tùng năm 2026 có hiệu lực thi hành.
